

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 32/2018/HNGĐ-ST
Ngày 25-5-2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhuận

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Thắng;

Bà Trần Thị Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Gấm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Phùng Huy Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2018/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 551/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 661/2018/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1975; đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn K, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng; hiện trú tại: Thôn N, xã T, huyện H, tỉnh T, vắng mặt tại phiên tòa (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1970, trú tại: Thôn K, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng, vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15 tháng 01 năm 2018 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện A, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn T xây dựng hạnh phúc với nhau do tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 14 tháng 6 năm 2000 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng. Sau

khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng nhau tại thôn K, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống nhiều năm vợ chồng chị mâu thuẫn nguyên nhân do anh T sống không chung thủy với chị. Anh T có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác và có con riêng. Chị biết đã nhiều lần KH bảo anh T quay về với mẹ con chị nhưng anh T không nghe, còn đánh chửi, xúc phạm chị, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Đến tháng 8 năm 2017 chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn N, xã T, huyện Đ, tỉnh T và sống ly thân với anh T từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Chị xét thấy không còn tình cảm với anh T, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là Nguyễn Thị Lan A, sinh ngày 10 tháng 5 năm 2000. Ly hôn chị nhường anh T nuôi con. Trong trường hợp anh T không nuôi con thì chị nhận nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ: Chị và anh T không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn T từ khi thụ lý vụ án đã được Toà án nhiều lần triệu tập đến tòa để giải quyết việc chị Nguyễn Thị H xin ly hôn nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do nên anh không có lời khai.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa chị H vắng mặt nhưng chị có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Nguyễn Văn T không đến tham gia phiên tòa là không tuân thủ các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 19, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn T. Về con chung: Chị H và anh T có 01 con chung là Nguyễn Thị Lan A, sinh ngày 10 tháng 5 năm 2000. Tính đến thời điểm xét xử cháu Nguyễn Thị Lan A đã trưởng thành, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Về tài sản chung, công nợ: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất nhưng chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh Nguyễn Văn T là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử T hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T.

- Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T xây hạnh phúc với nhau tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 14 tháng 6 năm 2000 được xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh T sống không chung thủy, không có trách nhiệm với gia đình. Anh T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác và có con riêng. Vợ chồng nhiều lần xảy ra đánh cãi nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Chị H bỏ về nhà bố mẹ để ở và sống ly thân với anh T từ tháng 8 năm 2017. Căn cứ vào các tài liệu xác minh cho thấy tình trạng mâu thuẫn giữa chị H và anh T đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T có 01 con chung là Nguyễn Thị Lan A, sinh ngày 10 tháng 5 năm 2000. Cháu Nguyễn Thị Lan A có đơn xin ở với anh T nhưng tính đến ngày xét xử cháu Lan A đã trưởng thành nên vấn đề nuôi dưỡng Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản và công nợ: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 53, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002777 ngày 17 tháng 01 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, thành phố Hải Phòng. Chị H đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo bản án:

Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Các đương sự;
- UBND xã M;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nhạn